

Bản án số: 90/2018/DS-PT

Ngày: 25/6/2018

V/v: *“Tranh chấp chia di sản thừa kế; đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn

Các thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Ba - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Thái Văn Đoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp chi di sản thừa kế; đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104B/2018/QĐ-PT ngày 06/6/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị X** - sinh năm 1932; cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đăng V** - sinh năm 1969; cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (Theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 8 năm 2017). Có mặt

+ Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà X: Ông **Nguyễn Đăng Ph** – Văn phòng luật sư N, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: thôn P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Đăng C** - sinh năm 1968 và bà **Trần Thị H** - sinh năm 1970; cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

+ Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông C: Ông **Nguyễn Tấn L** – Văn phòng luật sư Q, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng – Chi nhánh Quảng Ngãi. Địa chỉ: 185 đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Nguyễn Đăng V** - sinh năm 1969

2. Ông **Nguyễn Đăng V1** - sinh năm 1970

Cùng cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đăng V1: Ông **Nguyễn Đăng V** - sinh năm 1969; cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (Theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 8 năm 2017). Có mặt

3. Chị **Nguyễn Thị Thanh S** - sinh năm 1994

4. Anh **Nguyễn Đăng N** - sinh năm 1997

5. Anh **Nguyễn Đăng G** - sinh ngày 14/4/2000

Cùng cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thanh S, anh Nguyễn Đăng N, anh Nguyễn Đăng G: Ông **Nguyễn Đăng C** - sinh năm 1968; cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. (Theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 8 năm 2017). Có mặt

6. **Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi**. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

7. *Người kháng cáo*: Bị đơn, ông Nguyễn Đăng C và bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn là cụ Trần Thị X do ông Nguyễn Đăng V đại diện theo ủy quyền trình bày*:

Nguồn gốc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.780m² (viết tắt là thửa 282) tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi có giới cận: Phía Bắc giáp đường liên huyện, phía Nam giáp đường đất, phía Đông giáp đường liên thôn, phía Tây giáp đất bà Lương Thị H là của ông, bà lưu hạ cho cụ Nguyễn Đăng V2. Quá trình sử dụng, cụ V2 là người đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg đối với thửa đất trên. Cụ V2 và cụ Trần Thị X sinh được 03 người con là Nguyễn Đăng C, Nguyễn Đăng V, Nguyễn Đăng V1. Ngoài ra, cụ V2 và cụ X không còn người con nào khác. Năm 1995, cụ V2 chết không để lại di chúc. Khoảng năm 1998, 1999 mở đường đi ngang qua nên thửa 282 được tách làm 02 thửa: Thửa đất số 282, tờ

bản đồ số 02, diện tích 280m² và thửa đất số 1074, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.460m². Khi làm đường thì mất một số diện tích đất nên cụ X được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện N đền bù thửa đất số 197, tờ bản đồ số 02, diện tích 357m² tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Tổng diện tích đất này, đáng lẽ cụ X là người quản lý, sử dụng nhưng ông C lợi dụng việc cụ X không biết đã làm thủ tục đăng ký kê khai và được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C đối với thửa 1074, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.460m² (viết tắt là thửa 1074) vào ngày 09/11/2000, cấp đổi theo Dự án V3 là thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.443,1m² (viết tắt là thửa 131) cho ông C, bà Trần Thị H vào ngày 30/6/2014.

Ông C còn tự ý làm thủ tục đăng ký kê khai và được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đối với thửa đất số 197, tờ bản đồ số 02, diện tích 357m² vào ngày 05/01/2004, cấp đổi theo Dự án V3 là thửa đất số 104, tờ bản đồ số 28, diện tích 360,4m² (viết tắt là thửa 104) cho ông C, bà H vào ngày 30/6/2014.

Còn thửa đất số 282, tờ bản đồ số 02, diện tích 280m² thì ông V1 đăng ký kê khai và được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/11/2000, cấp đổi theo Dự án V3 là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 28, diện tích 216,7m² (viết tắt là thửa 114) cho ông V1, bà Võ Thị Kim G1 vào ngày 30/6/2014.

Theo Đơn khởi kiện, cụ X yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS544994, sổ vào sổ CH08184 do UBND huyện N cấp cho ông Nguyễn Đăng C và bà Trần Thị H vào ngày 30/6/2014 đối với thửa đất số 131 tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Buộc ông C và bà H trả cho cụ X ½ diện tích đất của thửa đất số 131 là 721m² (làm tròn), đồng thời cụ X yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ V2 để lại là 721m² đất cho cụ và 03 người con, phần cụ X được hưởng là 180m² (làm tròn), tổng cộng là 901m² đất thuộc một phần thửa đất số 131, có giới cận: Phía Đông giáp nhà của ông C, phía Tây giáp đất của bà Lương Thị Hùng, phía Nam giáp đường đất, phía Bắc giáp đường nhựa cầu dài lên UBND xã H. Trên thửa đất tranh chấp có nhà cửa bị đơn xây dựng về phía Đông của thửa đất, có chuồng heo, cây lâu năm cụ X không tranh chấp. Cụ X yêu cầu được nhận phần đất trống về phía Tây của thửa đất. Trường hợp phần đất chia cho cụ X có cây lâu năm, một phần chuồng heo thì cụ X không đồng ý hoàn trả giá trị cây cho bị đơn còn một phần chuồng heo thì bị đơn có trách nhiệm dỡ dọn để giao trả đất cho cụ X. Phần đất trống phía Tây giao cho cụ X không đủ so với diện tích đất được chia thì cụ X không yêu cầu bị đơn hoàn trả giá trị diện tích đất chênh lệch.

Đối với thửa đất số 104 và thửa 114 hiện UBND huyện N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà H và ông V1, bà G1 thì cụ X không có yêu

cầu gì. Trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu của cụ X thì cụ X không yêu cầu tính công, chi phí nuôi dưỡng, chi phí ma chay đối với người để lại di sản và cũng không yêu cầu tính công, chi phí tôn tạo, bảo quản tài sản tranh chấp. Ngoài ra, cụ X không yêu cầu gì khác.

Sau khi có kết quả đo đạc thì diện tích thực tế của thửa 131 là 1.470,8m² nên cụ X bổ sung yêu cầu ông C, bà H phải trả cho cụ ½ diện tích đất theo đo đạc thực tế của thửa 131 là 735,4m², yêu cầu được chia ¼ di sản thừa kế của cụ V2 là 183,85m², tổng cộng là 919,25m² đất.

** Bị đơn là ông Nguyễn Đăng C, bà Trần Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hồ Ngọc Ph đại diện trình bày:*

Về quan hệ huyết thống, bị đơn thống nhất như nguyên đơn trình bày. Cụ Nguyễn Đăng V2 chết không để lại di chúc.

Nguyên nguồn gốc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi theo Trích lục Đại Nam Trung Kỳ Chánh Phủ là thửa đất có số hiệu 1326 do ông nội của ông C là cố Nguyễn Đ đứng tên. cố Đ chết thì giao lại thửa đất nói trên cho cụ V2 quản lý, sử dụng để lo thờ cúng ông, bà tổ tiên. Năm 1995, cụ V2 chết thì giao lại giấy tờ gốc của thửa đất cho ông C để ông C quản lý, sử dụng có trách nhiệm lo thờ cúng ông bà, tổ tiên vì ông C là con trai trưởng. Quá trình sử dụng, mẹ của ông C là cụ Trần Thị X và các em của ông C là Nguyễn Đăng V, Nguyễn Đăng V1 đã thống nhất để ông C đứng tên và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C thuộc thửa đất số 1074, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.460m² ngày 09/11/2000, cấp đổi theo Dự án V3 thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.443,1m² tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa đất 131) cho ông C, bà H vào ngày 30/6/2014. Thửa đất hiện đang tranh chấp đã được cân đối giao theo Nghị định 64/CP cho gia đình ông C.

Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đất tranh chấp là của ông, bà nội để lại cho con, cháu thờ cúng ông bà, tổ tiên. Đề nghị Tòa án xem xét.

Trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì cây lâu năm trồng trên phân đất chia cho người nào thì người đó được hưởng, bị đơn không yêu cầu thanh toán giá trị, riêng chuồng heo, nếu phần đất chia cho nguyên đơn có một phần chuồng heo của bị đơn thì bị đơn yêu cầu được tự tháo dỡ để giao trả đất cho nguyên đơn còn hầm piôga ở góc phía Tây Nam giao cho nguyên đơn sử dụng, bị đơn không yêu cầu thanh toán giá trị. Bị đơn cũng không yêu cầu tính công, chi phí nuôi dưỡng, chi phí ma chay của người để lại di sản và cũng không yêu cầu tính công, chi phí tôn tạo, bảo quản tài sản tranh chấp.

** Ông Nguyễn Đăng C là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thanh S, anh Nguyễn Đăng N và người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Đăng G trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với phần trình bày của bị đơn, ông không bổ sung hay yêu cầu gì khác.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi trình bày: Theo sổ 5B thửa đất 282, tờ bản đồ số 13 (02), diện tích 1.780m² do cụ Nguyễn Đăng V2 đăng ký. Sau khi mở đường theo bản đồ chỉnh lý cấp giấy năm 1999, thửa đất 282 được tách thành 02 thửa: Thửa 1074, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.460m² và thửa 282, tờ bản đồ số 2, diện tích 280m² tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.*

Thửa 1074, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.460m² được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đăng C ngày 09/11/2000, số vào sổ 03179, được cấp đổi theo Dự án V3 thành thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.443,1m² (trong đó có 300m² đất ONT và 1.143,1m² đất BHK) cho ông Nguyễn Đăng C, bà Trần Thị H vào ngày 30/6/2014.

Thửa 282, tờ bản đồ số 2, diện tích 280m² được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đăng V1 ngày 09/11/2000, số vào sổ 03157, được cấp đổi theo Dự án V3 thành thửa đất số 114, tờ bản đồ số 28, diện tích 216,7m² cho ông Nguyễn Đăng V1, bà Võ Thị Kim G1.

Căn cứ quy định tại điểm k khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013 và Điều 76 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc UBND huyện N cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà H là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Việc yêu cầu phân chia thừa kế của nguyên đơn thì đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Áp dụng Khoản 2 Điều 18 Pháp lệnh thừa kế; Khoản 1 Điều 654 Bộ luật dân sự 1995; Điều 166, 168, 221, 612, 623, 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 95, 99, 100, 101 Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu của cụ Trần Thị X về việc đòi lại tài sản là 532,5m² đất (trong đó có 80m² đất ở nông thôn và 452,5m² đất trồng cây hàng năm khác) và chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đăng V2 theo pháp luật đối với diện tích đất 532,5m² (trong đó có 80m² đất ở nông thôn và 452,5m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc một phần thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu của cụ X về việc đòi lại tài sản là 202,9m² đất và chia thừa kế di sản của cụ V2 theo pháp luật đối với diện tích đất 202,9m², tổng cộng là 405,8m² đất thuộc một phần thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (ký hiệu là B).

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đăng V2 được chia theo pháp luật là 532,5m² thuộc một phần thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ V2 gồm: Cụ Trần Thị X, ông Nguyễn Đăng C, ông Nguyễn Đăng V và ông Nguyễn Đăng V1.

5. Di sản của cụ V2 được chia làm 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 133,125m² đất (trong đó có 20m² đất ở nông thôn và 113,125m² đất trồng cây hàng năm khác). Cụ X, ông C, ông V, ông V1 mỗi người được nhận một kỷ phần là 133,125m² đất, trị giá 115.405.000đ.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của ông V và ông V1 về việc giao kỷ phần được hưởng cho cụ X nhận.

7. Giao phần đất ở phía Đông của thửa đất có diện tích đất 317,9m² (trong đó có 60m² đất ở và 257,9m² đất trồng cây hàng năm khác) (ký hiệu là C) cho ông Nguyễn Đăng C quản lý, sử dụng thuộc một phần thửa đất 131, tờ bản đồ số 28 tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Bắc giáp đường huyện, phía Nam giáp đường đất, phía Đông giáp đường liên thôn, phía Tây giáp phần đất ký hiệu là B.

8. Giao phần đất phía Tây của thửa đất có diện tích 747,1m² (trong đó có 100m² đất ở và 647,1m² đất trồng cây hàng năm khác) (ký hiệu là A) thuộc một phần thửa đất 131, tờ bản đồ số 28 tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Bắc giáp đường huyện, phía Nam giáp đường đất, phía Đông giáp phần đất ký hiệu là B, phía Tây giáp đất bà Lương Thị H cho cụ Trần Thị X quản lý, sử dụng.

9. Ông C không phải thanh toán giá trị chênh lệch đối với diện tích đất được chia nhiều hơn kỷ phần được hưởng do cụ X không yêu cầu.

10. Trên phần đất giao cho cụ X có một phần chuồng heo, diện tích 85,2m², hầm piôga ở góc phía Tây Nam thửa đất của ông C, bà H và có nhiều cây lâu năm.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cây trồng trên đất và hầm piôga giao cho người nào thì người đó được hưởng, không phải hoàn trả giá trị cho nhau. Riêng một phần chuồng heo, diện tích 85,2m² trên phần đất chia cho cụ X thì ông C, bà H có trách nhiệm dỡ dọn để giao trả lại đất cho cụ X.

11. Trên phần đất giao cho ông C quản lý, sử dụng có nhà cấp IVC diện tích 80,3m² và nhà tạm có diện tích 100,3m² hiện ông C, bà H và các con là chị Nguyễn Thị Thanh S, anh Nguyễn Đăng N, anh Nguyễn Đăng G đang quản lý, sử dụng cùng một số cây lâu năm nhưng cụ X, ông V, ông V1 không tranh chấp nhà trên phần đất giao cho ông C và không yêu cầu ông C hoàn trả giá trị cây lâu năm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

12. Buộc ông C, bà H, anh N, chị S và anh G có trách nhiệm hoàn trả diện tích đất 747,1m² (ký hiệu là A) thuộc một phần thửa 131, tờ bản đồ số 28 tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Bắc giáp đường huyện, phía Nam giáp đường đất, phía Đông giáp phần đất ký hiệu là B, phía Tây giáp đất bà Lương Thị H cho cụ X quản lý, sử dụng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

(Phần đất chia cho các đương sự quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

13. Không chấp nhận yêu cầu của cụ X về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS544994, sổ vào sổ CH08184 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Nguyễn Đăng C và bà Trần Thị H vào ngày 30/6/2014 đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng khác, án phí, quy định về thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 06/02/2018, bị đơn ông Nguyễn Đăng C, bà Trần Thị H kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị X.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03/2016/AL là đúng nhưng chưa đủ, cần áp dụng thêm án lệ số 05 theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, nội dung kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại Tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 tại thôn Đ, xã H, huyện N, diện tích đo đạc thực tế 1.470,8m²; UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 544994 ngày 30/6/2014 cho ông Nguyễn Đăng C và bà Trần Thị H có nguồn gốc từ thửa đất số 282, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.780m². Cụ Nguyễn Đăng V2 quản lý, sử dụng do cha mẹ để lại và kê khai theo Chỉ thị số 229/TTg.

Cụ Trần Thị X khởi kiện với nội dung: ½ quyền sử dụng diện tích thửa đất số 131 thuộc quyền sử dụng của cụ; ½ còn lại thuộc quyền sử dụng của những người thừa kế của cụ Nguyễn Đăng V2. Bao gồm: cụ, các con chung của cụ và cụ V2 là các ông Nguyễn Đăng V, Nguyễn Đăng V1 và Nguyễn Đăng C.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định rằng: Toàn bộ diện tích 1.470,8m² đất của thửa đất số 131 thuộc tài sản chung của cụ Nguyễn Đăng V2 và cụ Trần Thị X là đúng đắn. Từ năm 2009, vợ chồng ông C, bà H xây cất một căn nhà cấp 4, diện tích 140m² trên diện tích 405,8m² đất (bao gồm cả diện tích đất nền nhà). Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03/2016/AL, xác định quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất cho ông C, bà H là đúng theo quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Diện tích còn lại 1.065m² (1.470,8m² – 405,8m²) của thửa đất số 131 tài sản chung của cụ V2 và cụ X. Trong đó cụ X, cụ V2 mỗi phần ngang nhau (1.065m²/2 = 532,5m²). Phần di sản của cụ V2 được chia thừa kế theo pháp luật cho các ông, bà: cụ X, các ông C, Vi, Vũ mỗi kỹ phần bằng nhau là hoàn toàn đúng đắn.

Tòa án cấp sơ thẩm phân chia hiện vật theo sơ đồ phân chia (kèm theo bản án sơ thẩm) của thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 tại thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi là đầy đủ và chính xác.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, xét thấy: Nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Đăng C và bà Trần Thị H không có cơ sở để chấp nhận. Ông C, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn: Ông Nguyễn Đăng C, bà Trần Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 166, 168, 221, 612, 623, 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, 99, 100, 101 luật đất đai năm 2013; Án lệ số 03/2016/AL.

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án số 03/2018/DS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; giữa nguyên đơn bà Trần Thị X và bị đơn ông Nguyễn Đăng C, về việc “Tranh chấp di sản thừa kế, đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” (Bao gồm sơ đồ phân chia kèm theo bản án sơ thẩm).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đăng C, bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng, được tính trừ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 010405 ngày 08/02/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Bá Sơn